

Số: 297/QĐ-DBĐHDTTW

Phú Thọ, ngày 23 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**V/v Phê duyệt kết quả xét chuyển học sinh
hoàn thành chương trình dự bị đại học vào trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG DỰ BỊ ĐẠI HỌC DÂN TỘC TRUNG ƯƠNG

Căn cứ Thông tư số: 24/2011/TT-BGDĐT ngày 13 tháng 6 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường dự bị đại học;

Căn cứ Thông tư số: 41/2013/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của trường dự bị đại học ban hành kèm theo Thông tư số 24/2011/TT-BGDĐT ngày 13 tháng 6 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số: 44/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh, bồi dưỡng dự bị đại học; xét chuyển vào trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non đối với học sinh dự bị đại học;

Căn cứ Công văn số: 66/DBĐHDTTW-KHTC, ngày 06 tháng 02 năm 2025 của Hiệu trưởng trường Dự bị Đại học Dân tộc Trung ương về việc đăng ký chỉ tiêu xét chuyển đối tượng học sinh thuộc diện chính sách theo Thông tư số 44/2021/TT-BGDĐT vào đại học năm học 2025-2026;

Căn cứ Công văn số: 625/ĐHSPHN2-ĐT ngày 16 tháng 7 năm 2025 của trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, về việc chỉ tiêu và hồ sơ tiếp nhận học sinh hoàn thành chương trình dự bị đại học;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng xét chuyển học sinh ngày 15 tháng 7 năm 2025 về việc xét chuyển học sinh theo nguyện vọng tham gia xét tuyển vào học đại học hệ chính quy từ năm học 2025 – 2026 tại các cơ sở giáo dục đại học;

Xét đề nghị của Phó Hiệu Trưởng phụ trách công tác xét chuyển,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả xét chuyển 46 học sinh theo nguyện vọng tham gia xét tuyển vào học đại học hệ chính quy từ năm học 2025 – 2026 tại trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2 (Có danh sách kèm theo).

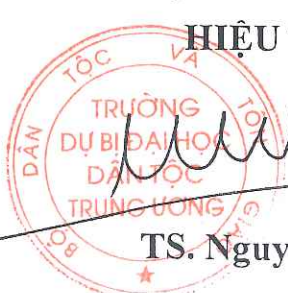
Điều 2. Học sinh có trách nhiệm theo dõi, thực hiện các thủ tục xét tuyển theo hướng dẫn của cơ sở giáo dục đại học và thanh toán hết các khoản công nợ đối với Nhà trường.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Bồi dưỡng, Quản lý chất lượng, Trưởng phòng Kế hoạch, tài chính – Quản trị, trưởng các đơn vị có liên quan và các học sinh có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;

- Lưu VT, KHTCQT

HIỆU TRƯỞNG

TS. Nguyễn Tuấn Anh

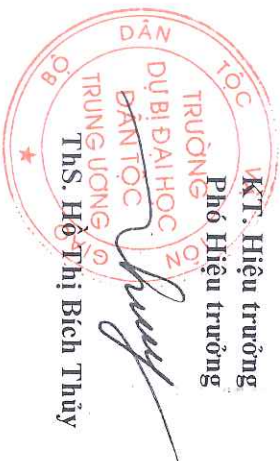
DANH SÁCH XÉT CHUYỂN HỌC SINH HOÀN THÀNH CHƯƠNG TRÌNH DỰ BỊ ĐẠI HỌC THEO NGUYÊN VỌNG THAM GIA
XÉT TUYỂN VÀO TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI 2, NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 39/QĐ-ĐBHDĐTƯ, ngày 13 tháng 7 năm 2025)

Stt	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân Tộc	Lớp	Số CMND/CCCD	Điện thoại cá nhân	Kết quả bồi dưỡng Dự bị đại học					Tên ngành	Mã ngành	
								Tổ hợp môn bồi dưỡng	TB Môn 1	TB Môn 2	TB Môn 3	Điểm TBC các môn bồi dưỡng theo THPT			Kết quả rèn luyện
1	Sùng A	Nam	25/3/2006	Mông	K50A6	012206003804	0862317144	Toán - Lý - Hóa	7,4	7,5	8,5	7,8	Tốt	Công nghệ thông tin	7480201
2	Giảng Ngọc Sơn	Nam	25/08/2006	Mông	K50D6	010206008703	0814478471	Toán - Văn - T. Anh	8,5	6,8	5,7	7,0	Tốt	Công nghệ thông tin	7480201
3	Khà A	Nam	8/3/2004	Mông Cao	K50A01	017204004430	0335970837	Toán - Lý - T. Anh	7,7	8,3	6,9	7,6	Tốt	Công nghệ thông tin	7480201
4	Nông Thị Thảo Ly	Nữ	21/10/2006	Lan	K50C17	024306001194	0386259107	Văn - Sử - GD CD	8,5	9,1	9,1	8,9	Tốt	Giáo dục công dân	7140204
5	Đinh Diệu Linh	Nữ	24/03/2006	Mường	K50C8	017306000477	0377228726	Văn - Sử - Địa	8,6	8,7	8,6	8,6	Tốt	Giáo dục mầm non	7140201
6	Hoàng Lệ	Nữ	23/03/2006	Nùng	K50C14	020306007684	0828432804	Văn - Địa - GD CD	8,4	7,9	9,2	8,5	Tốt	Giáo dục mầm non	7140201
7	Hoàng Thu Trang	Nữ	05/10/2006	Tày	K50D7	015306005828	0961620311	Toán - Văn - T. Anh	8,2	8,3	8,4	8,3	Tốt	Giáo dục mầm non	7140201
8	Đinh Thị Hồng	Nữ	03/02/2006	Tày	K50C17	004306001111	0818162176	Văn - Sử - GD CD	7,3	8,7	8,9	8,3	Tốt	Giáo dục mầm non	7140201
9	Đặng Thị Diệp	Nữ	24/12/2006	Kinh	K50C7	024306000999	0393373242	Văn - Sử - Địa	8,8	7,5	8,5	8,3	Tốt	Giáo dục mầm non	7140201
10	Bùi Thị Thu Trà	Nữ	12/11/2006	Mường	K50C2	017306007964	0325247658	Văn - Sử - Địa	8,1	8,4	8,1	8,2	Tốt	Giáo dục mầm non	7140201
11	Lò Thị Nhung	Nữ	22/01/2006	Thái	K50C2	011306008724	0974647436	Văn - Sử - Địa	8,0	7,7	8,8	8,2	Tốt	Giáo dục mầm non	7140201
12	Đàm Ngọc Bích	Nữ	13/01/2006	Tày	K50C4	004306003360	0365480736	Văn - Sử - Địa	7,9	7,7	8,3	8,0	Tốt	Giáo dục mầm non	7140201
13	Long Thùy Dung	Nữ	26/02/2006	Nùng	K50C4	020306004709	0359080096	Văn - Sử - Địa	8,4	7,0	7,4	7,6	Tốt	Giáo dục mầm non	7140201
14	Hoàng Thị Kim Liên	Nữ	10/07/2005	Nùng	K50D4	020305008033	0369504975	Toán - Văn - T. Anh	8,1	8,9	8,5	8,5	Tốt	Giáo dục Quốc phòng và an ninh	7140208
15	Bùi Thị Huyền Nghiên	Nữ	13/01/2006	Mường	K50C1	017306007638	0368285264	Văn - Sử - Địa	8,5	6,7	8,6	7,9	Tốt	Giáo dục Quốc phòng và an ninh	7140208
16	Ma Khánh Ly	Nữ	16/05/2006	Tày	K50D1	006306000443	0358874731	Toán - Văn - T. Anh	8,5	8,8	8,9	8,7	Tốt	Giáo dục tiểu học	7140202

Stt	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân Tộc	Lớp	Số CMND/CCCD	Điện thoại cá nhân	Kết quả bồi dưỡng Dự bị đại học					Ngành xét chuyển		
								Tổ hợp môn bồi dưỡng	TB Môn 1	TB Môn 2	TB Môn 3	Điểm TBC các môn bồi dưỡng theo THPT	Kết quả rèn luyện	Tên ngành	Mã ngành
17	Quách Ngọc Khuê	Nữ	01/04/2006	Mường	K50D5	01730600295 0	0965606589	Toán - Văn - T.Anh	9,3	8,1	8,7	8,7	Tốt	Giáo dục tiểu học	7140202
18	Linh Thị Diệu Vy	Nữ	08/11/2006	Tày	K50D7	00430600573 1	0842616206	Toán - Văn - T.Anh	8,1	6,6	8,1	7,6	Tốt	Ngôn ngữ Anh	7220201
19	Lâm Mai Hương	Nữ	01/03/2006	Tày	K50D1	00830600400 00230600022	0867167570	Toán - Văn - T.Anh	8,3	8,8	8,4	8,5	Tốt	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204
20	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Nữ	07/11/2006	Tày	K50A1	00230600022 9	0329252854	Toán - Lý - Hóa	6,6	7,6	6,7	7,0	Tốt	Quản lý Thể dục thể thao	7810301
21	Lương Đức Tuấn	Nam	10/02/2006	Tày	K50A5	01020600702 9	0385452407	Toán - Lý - Hóa	8,1	8,1	9,2	8,5	Tốt	Sư phạm Hóa học	7140212
22	Hoàng Thu Trà	Nữ	06/02/2006	Nùng	K50A1	00430600424 9	0963602991	Toán - Lý - Hóa	7,5	8,1	8,2	8,0	Tốt	Sư phạm Hóa học	7140212
23	Hoàng Thị Ánh Nguyệt	Nữ	13/01/2006	Nùng	K50A4	02030600131 7	0705616913	Toán - Lý - Hóa	8,3	9,0	8,6	8,6	Tốt	Sư phạm KHTN	7140247
24	Vũ Trà Vi	Nữ	22/5/2006	Kinh	K50A1	01030600766 0	0971467951	Toán - Lý - Hóa	7,6	8,3	8,4	8,1	Tốt	Sư phạm KHTN	7140247
25	Từ Thị Oanh Dịu	Nữ	14/8/2006	Nùng	K50C16	02030600118 8	0793367006	Toán - Văn - Sử	8,1	8,8	9,2	8,7	Tốt	Sư phạm Lịch sử	7140218
26	Hoàng Thị Trang	Nữ	9/3/2006	Mường	K50C15	02530600893 3	0343809350	Toán - Văn - Sử	7,6	8,4	9,2	8,4	Tốt	Sư phạm Lịch sử	7140218
27	Nông Thị Lanh	Nữ	19/1/2006	Tày	K50C15	00430600324 5	0949269314	Toán - Văn - Sử	8,9	7,3	8,7	8,3	Tốt	Sư phạm Lịch sử	7140218
28	Nguyễn Phạm Yến Chi	Nữ	4/4/2006	Tày	K50C15	02030600569 4	0366257855	Toán - Văn - Sử	7,5	7,8	8,1	7,8	Tốt	Sư phạm Lịch sử	7140218
29	Hoàng Thị Thu Huyền	Nữ	28/8/2006	Nùng	K50C15	02030600441 9	0868157862	Toán - Văn - Sử	8,0	8,2	6,9	7,7	Tốt	Sư phạm Lịch sử	7140218
30	Tràng Thị Vân	Nữ	11/02/2006	Mông	K50C2	01030600118 8	0839535844	Văn - Sử - Địa	7,9	9,3	9,3	8,8	Tốt	Sư phạm Lịch sử - Địa lý	7140249
31	Hà Thị Thanh Hải	Nữ	17/03/2006	Thái	K50C2	01230600110 8	0394984745	Văn - Sử - Địa	8,4	9,1	9,1	8,8	Tốt	Sư phạm Lịch sử - Địa lý	7140249
32	Đình Công Mạnh	Nam	19/05/2006	Mường	K50C7	02520600327 6	0338983149	Văn - Sử - Địa	8,9	8,1	8,5	8,5	Tốt	Sư phạm Lịch sử - Địa lý	7140249
33	Đàm Yến Nhi	Nữ	09/11/2006	Tày	K50C11	00430600030 9	0352383076	Văn - Sử - Địa	8,0	8,3	8,9	8,4	Tốt	Sư phạm Lịch sử - Địa lý	7140249
34	Hoàng Thị Hồng Ân	Nữ	02/11/2006	Tày	K50C11	01530600378 1	0344206322	Văn - Sử - Địa	8,7	8,8	8,5	8,6	Tốt	Sư phạm Ngữ văn	7140217
35	Nguyễn Thị Ánh Dương	Nữ	19/04/2006	Sán Chì	K50C8	02630601146 6	0964185263	Văn - Sử - Địa	8,1	8,9	8,8	8,6	Tốt	Sư phạm Ngữ văn	7140217
36	Lý Thị Quỳnh	Nữ	23/09/2006	Sán Chì	K50D6	02430601328 0	0398531121	Toán - Văn - T.Anh	8,9	8,8	9,0	8,9	Tốt	Sư phạm Tiếng Anh	7140231

Stt	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Lớp	Số CMND/CCCD	Điện thoại cá nhân	Kết quả bồi dưỡng Dự bị đại học					Ngành xét chuyên		
								Tổ hợp môn bồi dưỡng	TB Môn 1	TB Môn 2	TB Môn 3	Điểm TBC các môn bồi dưỡng theo THPT	Kết quả rèn luyện	Tên ngành	Mã ngành
37	Nông Thị Hiền	Nữ	15/12/2006	Tày	K50D7	00430600273 2	0918917874	Toán - Văn - T. Anh	8,8	8,4	9,2	8,8	Tốt	Sư phạm Tiếng Anh	7140231
38	Mào Thị Phương Loan	Nữ	05/7/2006	Thái	K50A1	01130600090 9	0977728350	Toán - Lý - Hóa	9,2	8,4	8,3	8,6	Tốt	Sư phạm Tin học	7140210
39	Ma Minh Thư	Nữ	24/06/2006	Tày	K50D2	00430600018 4	0376652286	Toán - Văn - T. Anh	8,5	8,4	7,7	8,2	Tốt	Sư phạm Tin học	7140210
40	Hứa Đức Chính	Nam	27/9/2006	Tày	K50A01	00420600111 9	0944889006	Toán - Lý - T. Anh	7,4	7,6	7,9	7,6	Tốt	Sư phạm Tin học	7140210
41	Tòng Thúy Nga	Nữ	04/01/2006	Thái	K50A6	01130600124 9	0387895614	Toán - Lý - Hóa	6,5	7,5	8,2	7,4	Tốt	Sư phạm Tin học	7140210
42	Lương Chu Thái	Nam	08/8/2006	Tày	K50A5	01520600995 9	0862773345	Toán - Lý - Hóa	9,1	9,3	9,5	9,3	Tốt	Sư phạm Toán học	7140209
43	Phạm Bảo Ngọc	Nữ	17/11/2006	Tày	K50A5	00430600073 5	0854316715	Toán - Lý - Hóa	9,5	9,0	9,4	9,3	Tốt	Sư phạm Toán học	7140209
44	Lý Thu Hà	Nữ	30/9/2006	Nùng	K50A5	02030600544 2	0365708309	Toán - Lý - Hóa	9,4	8,8	9,4	9,2	Tốt	Sư phạm Toán học	7140209
45	Đào Hải Yến	Nữ	8/11/2006	Tày	K50A01	00830600585 7	0376266568	Toán - Lý - T. Anh	9,0	8,7	9,4	9,0	Tốt	Sư phạm Toán học	7140209
46	Chung Quế Linh	Nữ	06/5/2006	Nùng	K50A3	00430600434 6	0389816068	Toán - Lý - Hóa	9,2	8,7	8,6	8,8	Tốt	Toán ứng dụng	7460112

Danh sách gồm 46 học sinh./.



KT. Hiệu trưởng
Phó Hiệu trưởng
Ths. Hồ Thị Bích Thủy

Xác nhận dữ liệu của Phòng BDQLCL
Trưởng phòng

Ths. Lương Thị Hồng Khuyến

Người lập biên

Ths. Lê Thị Hoàng

